

Biểu mẫu 09

(Kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO – THANH XUÂN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1784/1857 96,07%	577/626; 92,17%	575/597; 96,31%	632/634; 99,68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	71/1857 3,82%	48/626 7,67%	21/597 3,52%	2/634 0,32%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	2/1857 0,11%	1/626 0,16%	1/597 0,17%	0/634 0,00%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	1259/1857 67,8%	389/626; 62,14%	575/597; 45,97%	474/634; 74,476%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	587/1857 31,61%	236/626; 37,7%	195/597; 32,66%	156/634; 24,61%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	10/1857 0,54%	1/626; 0,16%	5/597; 0,84%	4/634; 0,63%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0/1871			
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0/1871			
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1856/1857 99,95%	626/626; 100%	596/597; 99,83%	634/634; 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	587/1857	236/626;	195/597;	156/634;
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	31,61% 10/1857	37,7% 1/626;	32,66% 5/597;	24,61% 4/634;
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)			1/596 0,167%	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/12 0,2%/0,6	4/12 0,639%/1,9%	0	0



5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	50	24	21	5
1	Cấp tỉnh/thành phố	5			5
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	634			634
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	634			634
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có Chưa có			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có			
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	Chưa có			
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	909/948	296/330	296/301	317/317
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	20	7	5	8

Hà Nội ngày 18 tháng 01 năm 2022
 Thủ trưởng đơn vị



Vũ Đình Hà

PHỔ THÔNG